

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2023-2024

Số T T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1526	376	306	388	239	217
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1526	376	306	388	239	217
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1425/1526 93,38%	356/376 94,68%	279/306 91,17%	360/388 92,78%	216/239 90,37%	214/217 98,61%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	101/1526 6,62%	20/376 5,32%	27/306 8,83%	28/388 7,22%	23/239 9,63%	3/217 1,39%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	994/1309 75,93%	306/376 81,38%	220/306 71,89%	293/388 75,51%	175/239 73,22%	/
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	217/217 100%	/	/	/	/	217/217 100%
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	315/1309 24,07%	70/376 18,62%	86/306 28,11%	95/388 24,49%	64/239 26,78%	00/217 0%
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1512/1526 99,08%	368/376 97,87%	300/306 98,02%	388/388 100%	239/239 100%	217/217 100%
a	Trong đó: Học sinh được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	944/1526 61,86%	234/376 62,23%	180/306 58,82%	240/388 61,87%	140/239 58,57%	150/217 69,12%
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	36/1526 2,3%	00/376 0%	02/306 0,65%	05/388 1,28%	14/239 5,85%	15/217 6,91%
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	14/1526 0,91%	08/376 2,13%	06/306 1,98%	00/388 0%	00/239 0%	00/217 0%

Gò Vấp, ngày 30 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Phương